

Số: **1722/QĐ-UBND**

Bắc Kạn, ngày **27** tháng **9** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án: "Đổi mới theo hướng giao quyền tự chủ cho tổ chức, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế tăng cường liên kết giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ với các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường Đại học, doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn thực hiện việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 23/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 17/TTr-SKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Công văn số 872/SNV-TCBC&CCVC ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án: "Đổi mới theo hướng giao quyền tự chủ cho tổ chức, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế tăng cường liên kết giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ với các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường Đại học, doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh" (Có nội dung Phương án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện bảo đảm theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- CT, PCT UBND tỉnh;

- CVP;

Gửi bản giấy:

- Như Điều 3 (t/h);

- Sở Khoa học và Công nghệ (02 bản);

- Sở Nội vụ;

- Lưu VT, NCPC (Thái).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bý Thái Hải

PHƯƠNG ÁN

Đổi mới theo hướng giao quyền tự chủ cho tổ chức, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế tăng cường liên kết giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ với các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường Đại học, doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh

*(Kèm theo Quyết định số: 1722/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn thực hiện việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 23/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về việc thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

- Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Phương án tự chủ của Trung tâm ứng dụng Khoa học - Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Phương án phát triển, nâng cao năng lực hệ thống tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

II. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ XÃ HỘI HÓA VÀ TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG THỰC HIỆN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG; LIÊN KẾT GIỮA TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHCN VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VỚI CÁC TỔ CHỨC KHCN VÀ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, DOANH NGHIỆP ĐỂ GẮN KẾT NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thực trạng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và việc tự chủ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Bắc Kạn

1.1. Thực trạng tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có 02 tổ chức có dịch vụ khoa học và công nghệ là Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ) và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn (Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Y tế).

1.1.1. Về cơ cấu tổ chức:

- Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Lãnh đạo Trung tâm gồm 01 Giám đốc và 01 phó giám đốc; 03 phòng chuyên môn trực thuộc gồm Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nghiên cứu ứng dụng và Chuyển giao công nghệ và Phòng Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn: Lãnh đạo Trung tâm gồm 01 Giám đốc và 06 phó giám đốc; 03 phòng chức năng gồm Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Phòng Tài chính - Kế toán; 11 Khoa chuyên môn gồm Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, Khoa Phòng, chống bệnh không lây nhiễm, Khoa Dinh dưỡng, Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học - Bệnh nghề nghiệp, Khoa Sức khỏe sinh sản, Khoa Truyền thông, giáo dục sức khỏe, Khoa Ký sinh trùng - Côn trùng, Khoa Dược - Vật tư y tế, Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng và Phòng khám đa khoa.

1.1.2. Nguồn nhân lực:

TT	Đơn vị	Trình độ nguồn nhân lực		Độ tuổi TB
		Trên đại học	Đại học	
1	Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	04	10	38,5
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn	13	42	42,9
Tổng		17	52	

1.1.3. Loại hình dịch vụ cung cấp:

a. Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng:

- Tổ chức khai thác, ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phát triển công nghệ; thực hiện các nhiệm vụ về phổ biến, giới thiệu, quảng bá và kinh doanh các sản phẩm tiên bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống;

- Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân đổi mới công nghệ, tư vấn, đào tạo và thực hiện dịch vụ khoa học và công nghệ theo thẩm quyền;

- Tổ chức thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm, đào tạo, chuyển giao, thương mại hóa và nhân rộng các kết quả của đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm; lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương đối với các sản phẩm mới;

- Thực hiện các hoạt động giám định, chứng nhận trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận; thực hiện các hợp đồng dịch vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với quy định của pháp luật;

- Tham gia thực hiện việc thanh tra, kiểm tra về đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa; tư vấn các hoạt động kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các dịch vụ khoa học và công nghệ khác theo quy định.

b. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn:

- Giám sát, phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh xã hội, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, chất lượng nước ăn, uống, sinh hoạt, xét nghiệm an toàn thực phẩm, dinh dưỡng cộng đồng, vệ sinh phòng bệnh, quản lý sử dụng vắc xin và sinh phẩm y tế, an toàn sinh học, phòng chống tai nạn thương tích, các hoạt động nâng cao sức khỏe, phòng chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, quan trắc môi trường lao động, khám sàng lọc phát hiện bệnh sớm và quản lý, điều trị ngoại trú, dự phòng các bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm;

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về: Phòng, chống HIV/AIDS; cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; sức khỏe sinh sản; chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ; sức khỏe trẻ sơ sinh, trẻ em; sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên, nam giới và người cao tuổi; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; phá thai an toàn; tư vấn dự phòng điều trị bệnh; dự phòng điều trị vô sinh; điều trị nghiện theo quy định của pháp luật; sơ cứu, cấp cứu, chuyển tuyến và thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật chuyên môn; khám sức khỏe định kỳ, cấp giấy chứng nhận sức khỏe;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ về y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và khám sàng lọc phát hiện bệnh sớm, quản lý điều trị dự phòng ngoại trú các bệnh truyền nhiễm, không lây nhiễm;

1.1.4. Thực trạng năng lực công nghệ:

a, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng:

- Trung tâm đã làm chủ được công nghệ nuôi cấy mô để sản xuất giống một số cây trồng nông nghiệp như: Khoai môn Bắc Kạn, lan kim tuyến, ba kích, chuối...; sản xuất giống nấm và nấm thương phẩm phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh, hàng năm cung cấp cho người trồng trên 3 tấn/năm giống nấm và nhiều loại sản phẩm nấm ăn có chất lượng sản phẩm tốt.

- Chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, cung ứng giống cây trồng, phối hợp với các địa phương triển khai một số mô hình trồng cây ăn quả, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

- Ứng dụng thành công kết quả các đề tài, dự án đưa vào sản xuất thực tiễn góp phần vào việc khai thác các tiềm năng sẵn có của địa phương. Thông qua

các hoạt động ứng dụng công nghệ mới vào thực tiễn, cán bộ Trung tâm từng bước nâng cao tay nghề và tích lũy kinh nghiệm, dần khẳng định được vị thế là cơ quan cầu nối trong việc chuyển tải các tiến bộ kỹ thuật mới về áp dụng và nhân rộng vào sản xuất, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Làm chủ quy trình kiểm định phương tiện đo nhóm II và thử nghiệm vật liệu xây dựng chất lượng công trình; tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, xây dựng phòng thử nghiệm; tư vấn các hoạt động kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- Trung tâm có một Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng đạt chuẩn mực ISO/IEC 17025: 2005 mang số hiệu Vilas 380 được công nhận 21 phép thử nghiệm vật liệu xây dựng như đất, đá, cát, sỏi, gạch ... , hiện đang xin chủ trương mở rộng thêm một số chỉ tiêu thử nghiệm để phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn:

- Đơn vị đã được Sở Y tế công bố phòng xét nghiệm đủ điều kiện an toàn sinh học cấp II, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế methadone; đơn vị đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động; cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng;

- Được đầu tư trang thiết bị tiên tiến: Máy siêu âm màu 3D SOLOACER3, máy Laser CO2, Plasma điều trị các bệnh da, máy công nghệ IPL làm đẹp, trẻ hoá da, máy Laser YAG điều trị cho bệnh nhân tái mù sau mổ đục thủy tinh thể...

- Thực hiện được kỹ thuật cao như kỹ thuật Sinh học phân tử (Realtime-PCR), quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS), kỹ thuật ELISA (Enzyme-Linked ImmunoSorbent Assay) để phát hiện kháng thể hay kháng nguyên trong mẫu cần phân tích; kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) để tách, nhận biết, định lượng từng thành phần trong hỗn hợp; kỹ thuật định danh vi khuẩn...

1.2. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

1.2.1. Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng

Từ năm 2005 đến năm 2018, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng chưa được giao thực hiện cơ chế tự chủ. Năm 2019, Trung tâm bắt đầu thực hiện cơ chế tự chủ là 12% (Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Phương án tự chủ của Trung tâm ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ).

1.2.2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2017 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn bắt đầu thực hiện cơ chế tự chủ là 23% (Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2017 - 2019).

1.3. Thực trạng đối với thị trường dịch vụ khoa học và công nghệ

1.3.1. Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng

a. Hoạt động lĩnh vực ứng dụng Khoa học công nghệ:

Do kinh tế còn nhiều khó khăn, dịch vụ khoa học công nghệ chưa được ưu tiên phát triển. Sản phẩm khoa học công nghệ của Trung tâm chủ yếu là các sản phẩm nông nghiệp như: Các quy trình kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt; nuôi cấy mô cây lan kim tuyến, lan hồ điệp, lan rừng, cây ba kích, cây khoai môn, cây chuối tây; sản xuất các loại giống nấm, nấm thương phẩm và một số dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Nhu cầu về thị trường khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh hầu như chưa được hình thành nên việc triển khai dịch vụ khoa học công nghệ nông lâm nghiệp chưa có, trong những năm vừa qua chủ yếu là chuyển giao khoa học công nghệ theo các chương trình 135, 30a và nông thôn mới.

Kết quả công tác dịch vụ khoa học công nghệ và chuyển giao khoa học công nghệ năm 2018 của Trung tâm:

- Đã chuyển giao khoa học kỹ thuật theo chương trình 135 và 30a cho 6 xã được 14 lớp tập huấn với 750 nông dân.

- Tổ chức 07 lớp tập huấn kỹ thuật chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân (kỹ thuật chăn nuôi gà thả đồi, kỹ thuật trồng nấm, kỹ thuật trồng cây ăn quả, và kỹ thuật trồng cây chuối và cây dược liệu cho người dân của xã Tân Lập huyện Chợ Đồn, xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới, xã Liêm Thủy huyện Na Rì, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn và xã Địa Linh, Thượng Giáo của huyện Ba Bể). Hướng dẫn, chuyển giao công nghệ nuôi trồng nấm cho các địa phương trong tỉnh: Số lượng 05 mô hình.

b. Hoạt động lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng:

Hoạt động dịch vụ về lĩnh vực kiểm định, đo lường được đẩy mạnh đã góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và đảm bảo độ chính xác của phương tiện đo. Kết quả thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các phương tiện đo từ năm 2014 đến nay như sau:

TT	Loại phương tiện đo	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Cột đo Xăng dầu	Cái	35	176	187	156	160
2	Cân	Cái	14	169	156	180	156
3	Công tơ cơ khí 1 pha	Cái	0	0	1890	1000	500
	Công tơ cơ khí 3 pha	Cái			175	100	

TT	Loại phương tiện đo	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Công tơ điện tử 3 pha	Cái			0	106	
4	Thử nghiệm vật liệu xây dựng	Mẫu	157	320	330	310	22
	Tổng		206	665	2738	1852	838

1.3.2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn

a. Hoạt động xét nghiệm năm 2018:

- Xét nghiệm sàng lọc bệnh viêm gan do vi rút A, B, C cho 2.507/1.500 người, đạt 167,1%, tăng 243,4% so với 2017 (730 người). Trong đó:

+ Người nhiễm HBsAg được xét nghiệm đo tải lượng vi rút: 227/113 đạt 200%.

+ Người nhiễm anti HCV được xét nghiệm đo tải lượng vi rút: 60/30 đạt 200%.

+ Xét nghiệm chẩn đoán đái tháo đường cho 1.038/600 người, đạt 173,0%.

+ Xét nghiệm tìm virut HPV gây ung thư cổ tử cung cho 256/200 người, đạt 128%.

- Xét nghiệm nhiễm khuẩn bệnh viện E.coli, S.areus (tụ cầu vàng, sinh vật hiếu khí, nấm mốc, P.aeruginosa; trực khuẩn mủ xanh)

- Xét nghiệm mẫu muối ăn để xác định hàm lượng iốt 480/500 mẫu.

a. Hoạt động Phòng khám đa khoa:

- Triển khai ứng dụng CNTT sử dụng phần mềm HIS vào quản lý hoạt động khám chữa bệnh và thanh toán BHYT từ đầu năm 2018 đến nay đã phát huy hiệu quả tích cực. Việc ứng dụng CNTT cũng giúp đơn vị khai thác thông tin, tra cứu thẻ BHYT, lịch sử khám chữa bệnh BHYT của từng bệnh nhân, thuận lợi trong thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT, ngăn ngừa trục lợi, lạm dụng quỹ BHYT.

- Việc triển khai phần mềm quản lý khám chữa bệnh HIS và thanh toán BHYT giúp cho thông tin khám chữa bệnh và thanh toán BHYT được công khai, minh bạch, người tham gia BHYT được đảm bảo quyền lợi hợp pháp khi khám chữa bệnh, các thủ tục hành chính, thời gian chờ đợi và thanh toán BHYT được rút ngắn; nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh, đồng thời kết nối liên thông hệ thống thông tin y tế giữa các cơ sở y tế và cơ quan BHXH.

1.4. Đánh giá về khó khăn, tồn tại

Nhìn chung công tác hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế. Số lượng tổ chức thực hiện dịch vụ khoa học và công nghệ không nhiều, chưa có nhiều sản phẩm có thể cạnh tranh tốt trên thị trường.... Lực lượng thực hiện công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ số lượng còn ít và năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa có những nghiên cứu cơ bản, đạt kết quả cụ thể. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa hoàn chỉnh, một số xuống cấp không sử dụng được. Tổ chức

khoa học ngoài công lập chưa có đủ nguồn lực cả về nhân lực, vật lực để thực hiện tốt nhiệm vụ, dẫn đến sau khi đăng ký hoạt động nhỏ lẻ, thậm chí không hoạt động.

1.5. Nguyên nhân của việc xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ gặp khó khăn

Thứ nhất, do đặc thù của dịch vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nên việc xã hội hóa thường gặp nhiều khó khăn hơn so với các lĩnh vực khác, bởi vì để cung ứng dịch vụ này đòi hỏi đơn vị cung ứng phải có năng lực cao, đầu tư lớn, trong khi hiệu quả kinh tế đem lại không hấp dẫn nên rất ít đối tượng thuộc khu vực ngoài nhà nước muốn tham gia. Cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, thu hút các nguồn lực của xã hội để phát triển các cơ sở dịch vụ khoa học và công nghệ ngoài công lập chưa hấp dẫn đủ mạnh và ngay cả việc tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương cũng thiếu đồng bộ, nhất quán nên việc xã hội hóa lại càng khó khăn hơn. Chính vì vậy đến thời điểm hiện nay, các dịch vụ này đều được cung cấp bởi các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và sử dụng ngân sách nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Thứ hai, do thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta mới được hình thành, nhận thức cũng như năng lực của các chủ thể tham gia thị trường còn nhiều hạn chế nên việc phát triển cũng như mức độ xã hội hóa dịch vụ khoa học và công nghệ trong thị trường còn thấp. Dịch vụ chuyển giao công nghệ trong thị trường chưa phát triển, còn nhỏ lẻ và thiếu tính hệ thống, bài bản. Đối với Bắc Kạn là một tỉnh miền núi khó khăn thì dịch vụ của thị trường khoa học và công nghệ càng thấp.

Thứ ba, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường rất ít và khó xã hội hóa, do hoạt động này đòi hỏi phải đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực trình độ kỹ thuật tương đối cao, nhưng không đem lại nhiều lợi nhuận nên không dễ dàng thu hút các tổ chức bên ngoài tham gia đầu tư thực hiện.

Thứ tư, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ chưa có nguồn thu lớn để đảm bảo thực hiện tự chủ 100% kinh phí, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ chủ yếu theo yêu cầu phục vụ quản lý Nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

Với các lý do trên, việc xã hội hóa dịch vụ khoa học công nghệ đang gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu của tỉnh trong việc xã hội hóa các loại hình dịch vụ khoa học công nghệ cần có những giải pháp thích hợp để nâng cao mức độ đáp ứng dịch vụ công của các đơn vị công lập, đồng thời phải có các chính sách khuyến khích, kêu gọi các tổ chức, cá nhân bên ngoài tham gia.

2. Thực trạng việc liên kết giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng với các tổ chức khoa học công nghệ và các Viện, Trường đại học, doanh nghiệp

2.1. Hoạt động liên kết

Trong những năm qua, Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng đã liên kết, phối hợp với các tổ chức khoa học công nghệ và các Viện, Trường đại học, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ một số đề tài, dự án sau:

- Liên kết, phối hợp với Viện chăn nuôi thực hiện đề tài “Nghiên cứu một số giải pháp Khoa học và Công nghệ để phục hồi và phát triển đàn bò của đồng bào Mông tại tỉnh Bắc Kạn”.

- Liên kết với Viện Khoa học thực hiện dự án “Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn địa phương theo hình thức bán hoang dã tại huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn”; dự án chăn nuôi lợn địa phương tại Thị xã Bắc Kạn, Dự án chăn nuôi lợn địa phương và chăn nuôi gà của đồng bào Mông tại Trạm nghiên cứu Đồn Đền.

- Liên kết phối hợp chuyển giao công nghệ chăn nuôi lợn nái móng cái cho HTX Khau Ruộng, xã Cường Lợi, huyện Na Rì.

- Liên kết với Viện di truyền thực hiện dự án nuôi trồng nấm và nuôi cấy mô tế bào thực vật tại Trung tâm.

- Liên kết với Viện lâm nghiệp để sản xuất cây Lan kim tuyến.

- Liên kết với Trường Đại học Nông lâm thực hiện dự án sơ chế khoai môn, chăn nuôi bò bán thâm canh và một số đề tài dự án khác.

Nhìn chung, trong những năm qua đã có sự liên kết giữa Trung tâm với các Viện nghiên cứu, các Trường đại học. Đối với các đề tài dự án mà đơn vị liên kết thực hiện đã đem lại những kết quả khả quan. Cán bộ Trung tâm cũng đã nâng cao được tay nghề cũng như khả năng nghiên cứu khoa học, góp phần đưa các tiến bộ khoa học công nghệ đến với người dân địa phương, là một trong những cơ sở để định hướng các cây trồng vật nuôi cho các địa phương của tỉnh.

2.2. Khó khăn, tồn tại

- Chưa có các chính sách cụ thể trong việc khuyến khích, kêu gọi các nhà khoa học, các tổ chức khoa học công nghệ ngoài tỉnh như các Trường đại học, các Viện nghiên cứuliên kết, phối hợp với các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập trong tỉnh để thực hiện việc nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ cho địa phương.

- Hiện tại, việc liên kết giữa các các tổ chức khoa học và công nghệ và các Viện, Trường đại học, doanh nghiệpvới các đơn vị khoa học công nghệ của tỉnh là không bắt buộc, vì vậy việc chuyển giao khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh hầu như do các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu tự triển khai thực hiện là chính. Điều này dẫn đến sau khi kết thúc các đề tài, dự án các địa phương trên địa bàn tỉnh không duy trì được công nghệ mới và việc nhân rộng mô hình gặp nhiều khó khăn.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng và công nghệ, năng lực của cán bộ Trung tâm còn hạn chế nên việc tham gia liên kết chuyên giao khoa học công nghệ; đào tạo và sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

- Tăng cường được tính tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học công nghệ, thực hiện tự chủ giai đoạn 2019-2021 là 12%/năm, giai đoạn 2022-2024 tối thiểu là 12%/năm và từng bước dần tiến tới tự chủ 100%.

- Khuyến khích thúc đẩy các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Tăng cường được liên kết giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng với các tổ chức khoa học công nghệ và các trường Đại học, doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh.

2. Nhiệm vụ

- Đổi mới theo hướng giao quyền tự chủ cho tổ chức khoa học công nghệ công lập.

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Xây dựng cơ chế tăng cường liên kết giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng với các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường Đại học, doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp để đổi mới theo hướng giao quyền tự chủ cho tổ chức khoa học công nghệ công lập

- Thực hiện tốt phương án tự chủ về tài chính của Trung tâm đã được UBND tỉnh phê duyệt và lộ trình sẽ nâng dần mức độ tự chủ cho đến khi tự chủ được 100% về tài chính.

- Tăng cường nguồn ngân sách cho phát triển khoa học công nghệ để đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, nghiên cứu, ứng dụng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng.

- Có chính sách đãi ngộ đảm bảo cho cán bộ khoa học có nguồn thu nhập và sinh hoạt ổn định, để động viên, thu hút nguồn nhân lực làm khoa học và tạo sự an tâm làm công tác nghiên cứu khoa học.

2. Giải pháp để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Rà soát và ban hành cơ chế chính sách quy định cụ thể trong công tác xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ và chính sách khuyến khích liên kết, phối hợp với các nhà khoa học, các Viện nghiên cứu, trường đại học với các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học trong tỉnh.

- Có chính sách để khuyến khích tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền sở hữu và có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý đối với kết quả nghiên cứu khoa học sử dụng ngân sách nhà nước, tạo điều kiện và thúc đẩy quá trình thương mại hóa ứng dụng kết quả nghiên cứu.

- Xác định hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ và phát triển thị trường khoa học công nghệ là nhiệm vụ trọng tâm để đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, quản lý và sử dụng tài sản theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Trong nông nghiệp: Ưu tiên đầu tư, phát triển và đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm để tạo ra những bước phát triển đột phá về sản xuất, chọn tạo ra các giống cây trồng, giống thủy sản và giống vật nuôi, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích sản xuất, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản; đổi mới sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và phát triển bền vững. Hỗ trợ hình thành và phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đạt hiệu quả kinh tế hơn so với phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống.

- Thử nghiệm áp dụng công nghệ điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo vào sản xuất nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cập nhật công nghệ mới cho đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ của Trung tâm.

- Tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm, hàng hóa sản xuất tại địa phương; trong đó tập trung vào các sản phẩm chủ lực và các đặc sản để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, trên cơ sở thực hiện cơ chế tài chính khoán đến sản phẩm cuối cùng và doanh số dịch vụ để khuyến khích nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy phát triển dịch vụ khoa học công nghệ.

- Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ.

- Đào tạo, tuyển chọn và phát triển bộ phận Marketing dịch vụ khoa học công nghệ từng bước chuyên nghiệp, sáng tạo, hiệu quả cao.

- Tăng cường phối hợp với các đơn vị, đoàn thể, hội nông dân và các sở, ban, ngành, địa phương để đưa dịch vụ khoa học công nghệ lồng ghép các chương trình, dự án, xây dựng nông thôn mới ... trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung phát triển những nhiệm vụ, lĩnh vực của đơn vị đang thực hiện như: Kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, thử nghiệm mẫu vật liệu xây dựng và chất lượng công trình.

- Tiếp tục mở rộng thêm các lĩnh vực kiểm định đơn vị chưa có.

- Tăng cường hoạt động giám định và thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động chứng nhận và các hoạt động tư vấn về tiêu chuẩn.

3. Giải pháp để thực hiện tăng cường liên kết giữa Trung tâm ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng với các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường đại học, doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh

- Xây dựng cơ chế chính sách quy định cụ thể trong việc xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cũng như chính sách khuyến khích liên kết, phối hợp với các nhà khoa học, các Viện nghiên cứu, trường đại học với các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong tỉnh.

- Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng chủ động gặp gỡ, ký kết các với các các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường đại học, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các đề tài, dự án tại địa phương để từ đó Trung tâm có điều kiện tiếp nhận khoa học công nghệ mới và nâng cao năng lực cho đơn vị.

- Phát huy tối đa những cơ sở vật chất, hạ tầng và nhân lực đã được trang bị.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch và cử cán bộ, viên chức đi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và tiếp nhận một số công nghệ mới thích hợp với điều kiện sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường đại học, doanh nghiệp xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao và công nghệ 4.0.

- Liên kết với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong công tác chuyển giao khoa học công nghệ để phát triển những sản phẩm thế mạnh của địa phương.

- Liên kết với doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm khoa học công nghệ mà Trung tâm đã làm chủ công nghệ tạo ra hàng hóa cung ứng cho thị trường góp phần tăng thu nhập để nâng cao mức tự chủ về tài chính của Trung tâm.

4. Giải pháp về nguồn kinh phí thực hiện

- Kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm của tỉnh.

- Từ nguồn hỗ trợ chương trình nông thôn và miền núi của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí đào tạo, tiếp nhận công nghệ mới phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thực hiện theo Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm dành cho phát triển dịch vụ khoa học công nghệ, thị trường khoa học công nghệ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tạo mọi điều kiện để Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng thực hiện Phương án được phê duyệt theo đúng nội dung, mục đích và quy định của pháp luật.

- Tăng cường chỉ đạo Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tích cực, chủ động phối hợp, liên kết với các cơ quan chuyển giao công nghệ trong triển khai một số đề tài, dự án để nâng cao năng lực triển khai và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn đời sống, xã hội.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo Phương án được duyệt. Cho ý kiến về phương án phân loại đơn vị tự chủ tài chính của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, phối hợp hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác tổ chức bộ máy, tuyển dụng, sử dụng viên chức, hợp đồng lao động ... đối với Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cân đối nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

5. Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tạo điều kiện giúp đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ triển khai thực hiện tốt Phương án này.

Trên đây là Phương án “Đổi mới theo hướng giao quyền tự chủ cho tổ chức, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế tăng cường liên kết giữa Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ với các tổ chức khoa học và công nghệ và các trường Đại học, doanh nghiệp để gắn kết nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo và sản xuất kinh doanh”. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung và sửa đổi cho phù hợp ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Thái Hải